

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA**

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2009**



**NĂM 2009**

# MỤC LỤC



<b>I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	2
1. Giới thiệu về công ty .....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Tình hình hoạt động .....	3
4. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của Công ty .....	4
5. Định hướng phát triển .....	8
<b>II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	8
1. Đặc điểm tình hình năm 2009 .....	8
2. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2009 .....	10
3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	11
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai .....	11
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	13
1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009.....	13
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 .....	14
3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2009.....	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	17
<b>IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 (đã được kiểm toán)</b> .....	18
1. Báo cáo của Ban Giám đốc .....	18
2. Báo cáo kiểm toán .....	19
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất .....	21
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .....	23
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất .....	24
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất .....	25
<b>V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b> ....	40
1. Đơn vị kiểm toán độc lập .....	40
2. Ý kiến kiểm toán độc lập.....	40
<b>VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN</b> .....	40
1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia .....	40
2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối .....	40
<b>VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ</b> .....	41
1. Cơ cấu tổ chức của công ty .....	41
2. Ban điều hành .....	44
3. Tiền lương, thưởng của Ban điều hành .....	47
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và Chế độ làm việc, chính sách đối với người lao động.....	47
5. Những thay đổi trong bộ máy lãnh đạo Công ty năm 2009 .....	48
<b>VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	49
1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát .....	49
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn .....	55

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Giới thiệu về công ty

Tên công ty:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – ĐIỆN LỮ GIA</b>
Tên gọi tắt:	<b>LUGIACO</b>
Tên giao dịch đối ngoại:	<b>LUGIA MECHANICAL ELECTRIC JOINT STOCK COMPANY</b>
Vốn điều lệ:	82.835.610.000 đồng ( <i>Tám mươi hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn đồng</i> )
Website:	<a href="http://www.lugiaco.com.vn">http://www.lugiaco.com.vn</a>
Điện thoại:	(84-8) 39626956
Fax:	(84-8) 39650012
Trụ sở:	11-11A đường số 5 cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. HCM



### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### 2.1 Quá trình hình thành

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia (LUGIACO) là Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978. Trong bối cảnh đất nước mới thống nhất vẫn còn rất nhiều khó khăn, với số vốn ít ỏi ban đầu và đội ngũ công nhân khiêm tốn, Công ty đã nỗ lực không ngừng để phát triển trở thành một trong những Công ty xây lắp điện và trang thiết bị chiếu sáng có uy tín trong nước. Đến tháng 12/1999, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia theo quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28/12/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Công ty là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO)

#### 2.2 Niêm yết

Ngày 27/11/2006 Công ty cổ phần cơ khí Điện Lữ Gia được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết lần đầu theo quyết định số 87/UBCK-GPNY và Chính thức niêm yết 1.000.000 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 27/12/2006.

Ngày 08/01/2008 LUGIACO niêm yết bổ sung 2.000.000 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE

Ngày 10/02/2009 LUGIACO niêm yết bổ sung 45.305.100 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE

Ngày 17/07/2009 LUGIACO niêm yết bổ sung 753.051 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE

Tổng số cổ phiếu LGC đang niêm yết trên HOSE hiện nay là 8.283.561 cổ phiếu.

### **2.3 Các thành tích đạt được trong quá trình phát triển**

Qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba. Các sản phẩm của Công ty tham dự hội chợ thành tựu khoa học kỹ thuật toàn quốc đoạt 04 huy chương vàng, 01 huy chương bạc và được Ban Tổ chức Mạng doanh nghiệp Việt Nam bình chọn là “Doanh nghiệp uy tín – chất lượng năm 2005”.

Qua nhiều năm tích lũy vốn và đầu tư thiết bị chiều sâu, đến nay, Công ty đã chế tạo được các sản phẩm đèn chiếu sáng công cộng từ 70 đến 400W, trụ đèn đường loại tròn côn và bát giác côn dài từ 04 đến 30 mét. Các sản phẩm đèn chiếu sáng của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chọn đưa vào "Chương trình phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002-2005". Một số công trình tiêu biểu gắn liền với sự phát triển của Công ty như: Hệ thống chiếu sáng tại nút giao thông bờ Nam cầu Mỹ Thuận, hệ thống chiếu sáng Đại Lộ Hùng Vương (Thành phố Hồ Chí Minh), đường Xuyên Á, Hệ thống chiếu sáng công trình An Sương – An Lạc, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch – Đồng Nai, Trung Lương – Mỹ Thuận, Cầu Phú Mỹ, Cầu Rạch Miễu, Cầu Nguyễn Văn Cừ, Đường Cao tốc vào sân Bay Liên Khương, Hệ thống chiếu sáng Sân Bay Tân Sơn Nhất... Hiện nay Công ty đang thi công một số công trình lớn như Đại Lộ Đông Tây, Cầu Hàm Luông- Bến Tre...

Ngày 17 tháng 11 năm 2003, Công ty đã được Công ty TUV Rheinland Việt Nam cấp chứng chỉ số 01100039086 về việc áp dụng hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, và đến Tháng 11/2009 Công ty TUV Rheinland Việt Nam tái đánh giá với kết quả hệ thống quản lý chất lượng của LUGIACO là phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008

### **2.4 Các sự kiện khác**

Năm 2009 Công ty đã hoàn thành việc xây dựng Nhà máy mới tại KCN Nhơn Trạch 5 – Đồng Nai, tổng vốn đầu tư là 80 tỷ đồng.

Công ty đang tiến hành giải thể Công ty con là Công Ty TNHH MTV Cơ Khí – Điện Lữ Gia do hoạt động kinh doanh không hiệu quả và sát nhập về Công Ty CP Cơ Khí – Điện Lữ Gia.

## **3. Tình hình hoạt động**

- **Về lĩnh vực sản xuất và thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng:** Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia là một trong những công ty có uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông. Sản phẩm của Công ty đã có mặt trên thị trường Việt Nam hơn 25 năm và được các khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm. Sản phẩm đèn và trụ đèn của Công ty được lắp đặt cho nhiều hệ thống chiếu sáng công cộng ở các khu chế xuất, khu công nghiệp, đường bờ Bắc - bờ Nam cầu Mỹ Thuận, các đoạn đường quốc lộ lớn, các hệ thống chiếu sáng ở các tỉnh miền Tây, miền Trung và miền Bắc. Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty cũng được xuất khẩu sang thị trường khu vực lân cận là Campuchia.



- **Về lĩnh vực kinh doanh bất động sản:** Hiện tại công ty đang đầu tư dự án 70 Lữ Gia, chi phí đầu tư cho dự án khoảng hơn 500 tỷ, theo kế hoạch công ty sẽ bán phần căn hộ từ tầng 6 đến tầng 20, phần còn lại là 2 tầng hầm và từ tầng 1 đến tầng 5 công ty dùng để kinh doanh trung tâm thương mại. Hiện tại công ty đã bán được tổng cộng 130/166 căn , và đây có thể nói là vị thế rất thuận lợi cho việc kinh doanh trung tâm thương mại, theo kế hoạch cuối năm 2010 dự án kết thúc và đi vào hoạt động kinh doanh năm 2011




#### **4. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của Công ty**




Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy CNĐKKD công ty cổ phần số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/03/2000 và thay đổi lần thứ 8 ngày 10/09/2009, Công ty được phép kinh doanh các lĩnh vực sau:

- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất.
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường.
- Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại.
- Thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các loại thiết bị báo hiệu giao thông.
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác và các sản phẩm khác theo luật định.
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ thương mại. Đại lý bán lẻ xăng dầu. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Đào tạo dạy nghề.
- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.

Sản phẩm cung cấp: Với các lĩnh vực kinh doanh đã được đăng ký như trên, Công ty cung cấp các sản phẩm sau:

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
<p><b>ĐÈN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG</b></p>	<p>Chiếu sáng công cộng, trên các trục chính giao thông, trong khu dân cư, đường phố...</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực hoặc nhôm tấm, dập vuốt; sơn tĩnh điện.</li> <li>- Phản quang bằng nhôm tấm dập, bề mặt được xử lý anốt hoá.</li> <li>- Chóa đèn bằng thủy tinh chịu nhiệt hoặc nhựa PMMA.</li> <li>- Sử dụng bóng 150W-250W/220V (sodium - metal)</li> </ul>	
	<p>Chiếu sáng quảng trường, tượng đài, sân thể thao, bảng quảng cáo...</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực, sơn tĩnh điện.</li> <li>- Chóa đèn bằng thủy tinh chịu nhiệt.</li> <li>- Kích thước: 720 mm x 640 mm x 230 mm</li> </ul>	

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
<p><b>TRỤ ĐÈN</b></p>	<p><u>Trụ đèn trang trí / Trụ đèn trang trí để gang:</u> trang trí cho công viên, sân vườn, đường phố, khu dân cư, biệt thự...</p>	<p><u>Đặc điểm chung:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ cao từ 3,5m – 5m.</li> <li>- Được lắp các đèn trang trí có công suất từ 20W – 75W.</li> <li>- Được thiết kế phù hợp với kiến trúc phố cổ, sân vườn, công viên, quảng trường,...</li> <li>- Được thiết kế lắp được từ 1 – 5 đèn.</li> </ul> <p><u>Trụ đèn trang trí:</u> trụ sắt được nhúng kẽm, sơn màu.</p> <p><u>Trụ đèn trang trí để gang:</u> để trụ được đúc bằng gang, sơn màu.</p>	
	<p><u>Trụ bát giác côn / Trụ tròn côn / Trụ đèn chiếu sáng:</u> sử dụng trong các công trình chiếu sáng công cộng như đường sá, cầu phà....</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ bằng thép, nhúng kẽm.</li> <li>- Trụ cao từ 4,5m – 12m. (Riêng Trụ đèn chiếu sáng cao từ 8m – 12m; cần và thân trụ được sơn màu)</li> </ul>	
	<p><u>Trụ đèn cao:</u> chiếu sáng khu vực rộng như sân bay, bến cảng, quảng trường, giao lộ cầu vượt, các xa lộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ cao từ 14m – 30m</li> <li>- Trụ được thiết kế gắn từ 4 đến 12 bóng - công suất từ 250W – 1000W/220V (sodium - metal)</li> </ul>	 <p>Trụ cao 30 mét</p>

Sản phẩm	Công dụng	Đặc điểm	Hình ảnh minh họa
<b>ĐÈN SÂN VƯỜN</b>	Chiếu sáng lối đi trong công viên, biệt thự....	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân đèn bằng nhôm hoặc tole cuốn, sơn tĩnh điện.</li> <li>- Chóa đèn bằng nhựa PE, PMMA.</li> <li>- Sử dụng bóng từ 12W – 40W /220V.</li> </ul>	
<b>ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG</b>	Điều khiển các luồng giao thông tại các giao lộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân trụ được làm bằng nhôm hoặc bằng thép nhúng kẽm.</li> <li>- Sử dụng đèn LED<sup>1</sup> hoặc đèn HALOGEN chuyên dùng.</li> <li>- Điều khiển tín hiệu bằng PLC<sup>2</sup> và vi xử lý.</li> <li>- Điều khiển đèn tín hiệu bằng tay hoặc tự động.</li> </ul>	
<b>TRỤ ĐIỆN LỰC</b>	Treo cáp, truyền tải điện cho các hệ thống truyền tải cao áp từ 110KV trở lên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao từ 20m-50m</li> <li>- Được làm bằng thép tấm cường độ cao dập định hình, mạ kẽm</li> <li>- Thích hợp lắp tại những nơi đô thị và những nút giao.</li> </ul>	

Ngoài việc cung cấp sản phẩm, Công ty còn thực hiện **tu vãn, thiết kế, thi công lắp đặt mới** các hệ thống liên quan đến chiếu sáng, giao thông và tải điện bao gồm:

- Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn chiếu sáng trang trí.
- Hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- Công trình đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.
- Cấu kiện sắt thép công nghiệp, dân dụng.

<sup>1</sup> Đèn LED (Light-emitting Diode): Đèn đi-ốt phát sáng

<sup>2</sup> Programmable Logic Controller: Bộ điều khiển lập trình luận lý



## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1 Mục tiêu**

Đẩy mạnh công suất sản xuất sản phẩm truyền thống là trụ đèn chiếu sáng, đồng thời phát triển sản phẩm mới là trụ điện lực, đây là sản phẩm đầy tiềm năng và có giá trị gia tăng rất cao.

Khai thác và sử dụng 2 tầng hầm và 5 tầng tại trung tâm thương mại Cao ốc 70 Lữ Gia, dự tính 2 tầng hầm dùng để giữ xe, 3 tầng cho thuê văn phòng và 2 tầng làm trung tâm thương mại, ước tính lợi nhuận hàng năm khoảng 50 tỷ đồng.

### **5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Công ty sẽ phát triển thành một công ty vững mạnh với sản phẩm có uy tín và chất lượng cao trên thị trường trong và ngoài nước. Trong tương lai sẽ khai thác và phát triển sản phẩm trụ điện lực của công ty thay thế cho sản phẩm trụ điện bê tông trung hạ thế đang hiện nay.

Thành lập công ty con nhằm khai thác quản lý dự án trung tâm thương mại tại 70 Lữ Gia.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Đặc điểm tình hình năm 2009**

Thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2009; Được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT về chủ trương, định hướng phát triển Công ty, Sự điều hành năng động của Ban Lãnh Đạo Công ty với quyết tâm cao của toàn thể CB – CNV Công Ty Cổ Phần Cơ Khí – Điện Lữ Gia trong Sản xuất – Kinh doanh năm 2009. Mặc dù, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và gặp không ít những khó khăn chủ quan cũng như khách quan trong quá trình phát triển đi lên của doanh nghiệp.

Trong quá trình phát triển đi lên của công ty, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, thì trong năm 2009 công ty cũng gặp không ít những khó khăn, cụ thể như sau:

#### **1.1. Thuận lợi:**

Trong giai đoạn cả nước tiến hành thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đầu tư nước ngoài tăng cao, đã thúc đẩy các địa phương cũng như các ngành, các Doanh nghiệp đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như đường xá cầu cống, bến cảng, các khu công nghiệp, các khu đô thị mới được hình thành cũng như việc chỉnh trang đô thị theo kịp đà phát triển kinh tế trong cả nước nói chung và khu vực phía Nam nói riêng đã tạo ra cơ hội, điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua, là cơ sở cho việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010.

Kết quả sản xuất kinh doanh tăng về doanh số, sản lượng, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định, mẫu mã trụ đèn và cần đèn phù hợp với nhu cầu khách hàng đảm bảo tính thẩm mỹ, uy tín nhãn hiệu LUGIACO ngày càng khẳng định trên thị trường. Các công trình chiếu sáng công cộng do Công ty xây dựng đảm bảo thi công đúng tiến độ với chất lượng cao, được các chủ đầu tư đánh giá cao. Giữ vững được thị phần tiêu thụ sản phẩm,

Công ty đã ký được nhiều hợp đồng cung ứng vật tư, hợp đồng xây dựng hệ thống chiếu sáng đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Công ty đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất mới tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, do đó sản phẩm truyền thống là trụ chiếu sáng được đẩy mạnh về công suất sản xuất, đồng thời phát triển sản phẩm mới đầy tiềm năng là trụ điện lực. Hiện nay trụ điện lực đã được bán Công Ty Điện Lực và đang tiếp tục quảng bá sản phẩm, đây là sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Công ty đã ký được hợp đồng thi công hệ thống chiếu sáng Đại lộ Đông Tây giai đoạn 2, hệ thống tín hiệu giao thông cho toàn bộ gói thầu số 2 với nhà thầu chính Obayashi. Đang xúc tiến thương lượng hợp đồng với Chủ đầu tư gói thầu hệ thống chiếu sáng đường cao tốc TPHCM – Long Thành – Dầu Giây và nhiều dự án tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch ...

Dự án căn hộ Lữ Gia đến nay đã xây đến tầng 11 và đã bán được 130/166 căn hộ. Riêng 5 tầng từ tầng 1 đến tầng 5 đang thương lượng các đối tác để cho thuê mặt bằng kinh doanh.

Hội đồng Quản trị đã kịp thời đưa ra những chủ trương, giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh để Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả, cơ cấu sắp xếp lại nhân sự trong công ty do sát nhập nhân sự từ Công Ty TNHH MTV Cơ Khí – Điện Lữ Gia. Với sự nỗ lực của Ban điều hành cùng với toàn thể CB-CNV Công ty; Với đội ngũ Công nhân có tay nghề và nhiều kinh nghiệm đủ khả năng sản xuất Sản phẩm có chất lượng cao, cũng như tham gia xây dựng những công trình với tiến độ và chất lượng mà khách hàng yêu cầu.

## **1.2. Khó khăn**

Trong năm 2009 do tình trạng lạm phát và suy thoái kinh tế của thế giới, đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến sự tăng trưởng nền kinh tế và tình hình lạm phát nước ta nói chung. Làm cho sức tiêu thụ sản phẩm giảm.

Sự cạnh tranh gay gắt của một số cơ sở, công ty sản xuất cùng loại với chất lượng kém hơn, làm ảnh hưởng rất lớn đến giá bán sản phẩm. (hiện tượng bán phá giá trên thị trường)

Giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động tăng cao.

Thanh toán, nghiệm thu thi công các công trình thường kéo dài và chậm trễ làm ảnh hưởng rất lớn đến nguồn vốn và tái thi công các dự án khác.

Đội ngũ Marketing chưa chuyên nghiệp, chưa nhanh nhạy nắm bắt các dự án, quy mô lớn, rộng khắp từ Miền Trung trở vào.

Các sản phẩm đèn chiếu sáng chưa được phong phú và đa dạng về mẫu mã.

Công ty đã đầu tư cơ bản hoàn thành nhà máy mới với giá trị 80 tỷ đồng, do đó giá trị khấu hao cao dẫn đến giá thành sản phẩm cao làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Công ty TNHH MTV Cơ Khí – Điện Lữ Gia đang làm thủ tục giải thể do hoạt động không hiệu quả, kết quả hoạt động trong năm 2009 lợi nhuận trước thuế đạt 6%/vốn điều lệ.

Song, với sự nỗ lực và tinh thần khắc phục khó khăn, phát huy tính năng động sáng tạo, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động tiếp cận tìm hiểu thị trường, thường xuyên bảo trì MMTB, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, tìm kiếm nguồn cung ứng với chi phí thấp, ổn định, hạn chế thấp nhất tỷ lệ % của phế liệu; thực hành tiết kiệm để hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông giao cho trong năm 2009. (thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông).

## 2. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2009
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác	153.597.113.435
2	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	122.917.182.212
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.679.931.223
4	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.900.693.969
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.779.237.254
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.641

Các chỉ tiêu phản ánh hoạt động của Công ty trong năm 2009 đều có sự tăng trưởng tốt so với năm 2008, thể hiện kết quả hoạt động hết sức khả quan trong năm vừa qua. Cụ thể:

Tổng Doanh thu sản xuất kinh doanh là 153,6 tỷ đồng tăng 71% so với năm 2008 và lợi nhuận sau thuế là 28.779.237.254 đồng tăng 109% so với năm 2008, số liệu cho thấy Công ty đã giữ được mức độ tăng trưởng trung bình hàng năm đã đề ra.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm 2009. Ban lãnh đạo công ty đã đẩy mạnh công tác kinh doanh, chủ động tìm kiếm và tiếp cận các dự án và đã ký được nhiều hợp đồng xây dựng những công trình lớn cấp Quốc gia, tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới, mở rộng thị trường mới, qua đó nâng cao doanh số trong năm nói chung, doanh thu công trình nói riêng.

Xét về sản lượng sản phẩm sản xuất, cụ thể như sau:

- Trụ đèn các loại: 7.243 trụ đạt 121% kế hoạch
- Cản đèn các loại: 7.757 cản đạt 129% kế hoạch

- Choá đèn các loại: 2.900 bộ đạt 83 % kế hoạch

Trong năm 2009 Công ty đã thiết kế, thi công các công trình chiếu sáng doanh số của các hoạt động này là 39,8 tỷ đồng, đạt 72,36% kế hoạch năm 2009, giảm 66,77% so với thực hiện năm 2008.

Cùng với sự phát triển của doanh số, sản lượng nêu trên, lợi nhuận trước thuế đạt 30.679.931.223 đồng tăng 40% so thực hiện năm 2008; Lợi nhuận sau thuế đạt 28.779.237.254 đồng tăng 109% so với thực hiện 2008, Qua chỉ tiêu lợi nhuận ròng cho thấy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua so với các doanh nghiệp cùng ngành là rất khả quan.

**- Về tình hình tài chính đến 31/12/2009:**

Tình hình tài chính của Công ty cuối năm 2009 thể hiện qua các chỉ số khá tốt, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ đến hạn và đảm bảo được khả năng duy trì hoạt động ổn định liên tục trong thời gian tới.

**3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Thực hiện so với kế hoạch 2009
1. Doanh thu và thu nhập khác	150.000.000.000	153.597.113.435	102%
2. Chi phí	120.600.000.000	122.917.182.212	102%
3. Lợi nhuận trước thuế	29.400.000.000	30.679.931.223	104%
4. Lợi nhuận sau thuế	25.725.000.000	28.779.237.254	112%

Tổng Doanh thu sản xuất kinh doanh đạt 153,6 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch năm 2009 và lợi nhuận sau thuế đạt 28.779.237.254 đồng đạt 112% so với kế hoạch năm 2009.

**4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được trong năm 2009, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 dự kiến như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009	KẾ HOẠCH 2010	SỐ SÁNH (KH2010/ TH2009)
1. Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác , trong đó:	153.597.113	215.000.000	140%
2. Tổng chi phí	122.917.182	169.596.500	137%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	30.679.931	45.403.500	148%

4. Tổng lợi nhuận sau thuế	28.779.237	39.728.062	138%
5. Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS)	3.641	4.796	132%
6. Chi trả cổ tức	15%	15%	100%

#### 4.1. Mục tiêu phân đầu

##### a) Sản xuất công nghiệp : kế hoạch doanh thu là 35 tỷ đồng.

*Trong đó: kế hoạch sản lượng*

- + Trụ chiếu sáng : 7.500 trụ
- + Trụ điện lực : 30 trụ
- + Cản đèn các loại : 8.000 cản
- + Đèn chiếu sáng : 3.000 bộ đèn

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất mới tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, do đó sản phẩm truyền thống là trụ chiếu sáng được đẩy mạnh về công suất sản xuất, đồng thời phát triển sản phẩm mới đầy tiềm năng là trụ điện lực. Hiện nay trụ điện lực đã được bán cho Công Ty Truyền tải điện phía nam của tập đoàn EVN và đang tiếp tục quảng bá sản phẩm, đây là sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

##### b) Thi công công trình: kế hoạch doanh thu là 70 tỷ đồng

Hiện nay Công ty đã ký được một số hợp đồng thi công xây dựng hệ thống chiếu sáng điển hình các công trình như sau:

- + Thi công hệ thống chiếu sáng Đại lộ Đông Tây giai đoạn: khoảng 41 tỷ đồng.
- + Thi công hệ thống chiếu sáng đường cao tốc Liên Khương – đèo Preen giai đoạn 2: khoảng 9,5 tỷ đồng.
- + Thi công hệ thống chiếu sáng cầu Hàm Luông: khoảng 3 tỷ đồng.

Công ty đang xúc tiến thương thảo với Chủ đầu tư để tham gia dự thầu và chỉ định thầu thi công các công trình sau:

- + Thi công hệ thống chiếu sáng đường Sa Huỳnh – Dung Quất: tổng giá trị khoảng 46 tỷ đồng.
- + Thi công hệ thống chiếu sáng đường mở rộng xa lộ Hà Nội: tổng giá trị khoảng 150 tỷ đồng.
- + Thi công hệ thống chiếu sáng đường mở rộng Quốc Lộ 51: tổng giá trị khoảng 90 tỷ đồng.

##### c) Kinh doanh căn hộ Lữ Gia : kế hoạch doanh thu là 110 tỷ đồng

Dự án đầu tư xây dựng Khu Chung cư – Thương mại – Dịch vụ Lữ Gia đang xây dựng gấp rút, dự kiến cuối năm 2010 sẽ xong 20 tầng thô, tiếp tục hoàn thiện chuẩn bị đưa cao ốc vào hoạt động trong khoảng thời gian quý 1 – năm 2011.

Đền nay đã bán được 128/166 căn hộ. Riêng 5 tầng (từ tầng 1 đến tầng 5) đang thương lượng các đối tác để cho thuê mặt bằng kinh doanh.

#### **4.2. Giải pháp thực hiện:**

Để đảm bảo thực hiện mục tiêu về doanh thu năm 2010 Công ty cần tập trung lãnh đạo, thực hiện các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu như sau:

##### **a) Giải pháp marketing mở rộng thị trường:**

Tăng cường củng cố bộ phận Marketing về nhân sự và chuyên môn, đẩy mạnh công tác tiếp thị tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và các Tỉnh Miền Tây nhằm giới thiệu và tiêu thụ Sản phẩm của Công ty, lập kế hoạch cụ thể về công tác Marketing để làm căn cứ theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện.

Tích cực liên hệ các chủ đầu tư nhằm tiếp cận nắm bắt thông tin để tham gia dự thầu thiết kế thi công những công trình trọng điểm có qui mô lớn nhằm tạo đầu ra cho việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty cũng như ký được các hợp đồng thiết kế xây dựng HTCS, THGT,...

##### **b) Giải pháp đầu tư và Kỹ thuật, nhân sự:**

Bổ trí đội ngũ Kỹ sư nhiều kinh nghiệm, công nhân có tay nghề, để tiếp nhận chuyển giao công nghệ và điều hành nhà máy mới, đẩy mạnh hoạt động sản xuất ngày càng hiệu quả.

Tiếp tục nghiên cứu thiết kế và liên kết với một số đơn vị khác đưa vào sản xuất một số mẫu mã sản phẩm mới về trụ đèn, đèn chiếu sáng và trụ trang trí và trụ điện lực.

Củng cố bộ phận KCS, phân đấu sản phẩm xuất xưởng có sản phẩm khuyết tật ở trình trạng thấp nhất.

##### **c) Các giải pháp khác:**

Tiến hành làm các thủ tục thanh toán hoàn tất các công trình đã ký kết hoàn thành với chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán các công trình đã được nghiệm thu thanh toán và nghiệm thu thanh quyết toán.

Kết hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư các công trình dở dang, đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng và thi công hoàn tất các công trình.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, phối hợp với các cơ quan chức năng nhanh chóng thu hồi những khoản nợ khó đòi, chậm trả để tập trung nguồn vốn cho SXKD

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009**

##### **- Khả năng sinh lời:**

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu : 0.19 lần

+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản : 0.07 lần

##### **- Khả năng thanh toán:**

- + Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : 0.68 lần
- + Khả năng thanh toán nhanh : 0.33 lần
- + Khả năng thanh toán hiện hành : 1.59 lần
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009** : 414.539.507.447 đồng
- **Cơ cấu vốn cổ đông:**
  - + Cổ đông Nhà nước : 1.677.000 CP chiếm 20,24%
  - + Cổ đông khác : 6.606.561 CP chiếm 79,76%
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành** : 8.283.561 Cổ Phiếu loại phổ thông
- **Cổ tức năm 2009** : 15%
- **Các chỉ tiêu tài chính**

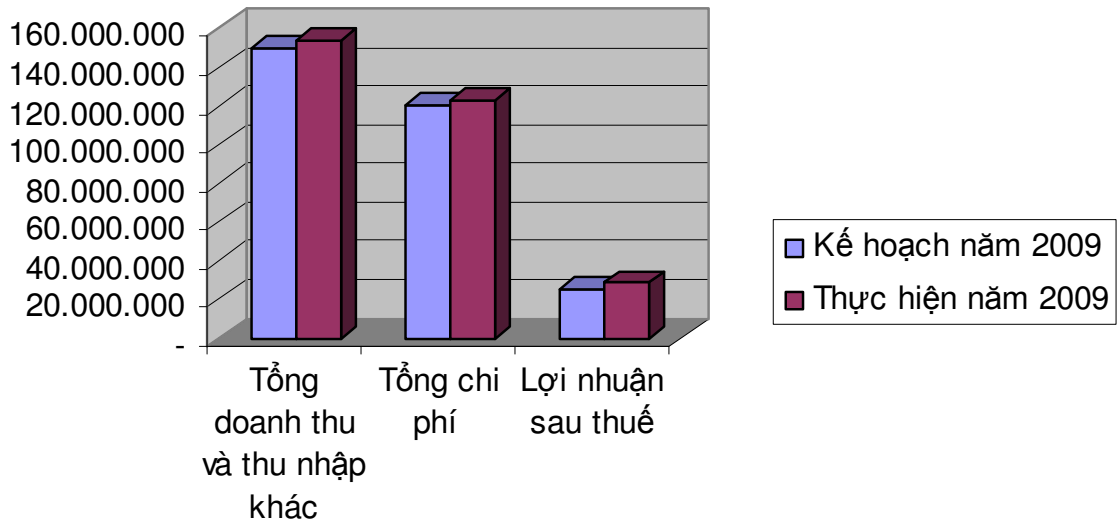
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2008
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i><b>Cơ cấu tài sản</b></i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	16,84	28,49
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	83,16	71,51
<i><b>Cơ cấu nguồn vốn</b></i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,95	59,13
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,05	40,87
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,59	1,69
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,68	1,73
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,33	1,11
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<i><b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b></i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	20,08	24,42
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	18,84	15,36
<i><b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b></i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,40	6,45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,94	4,05

Dựa vào các chỉ tiêu tài chính trên có thể đưa ra đánh giá chung hoạt động tài chính của Công ty trong năm qua là khá tốt, đảm bảo khả năng hoạt động ổn định và phát triển trong thời gian tới.

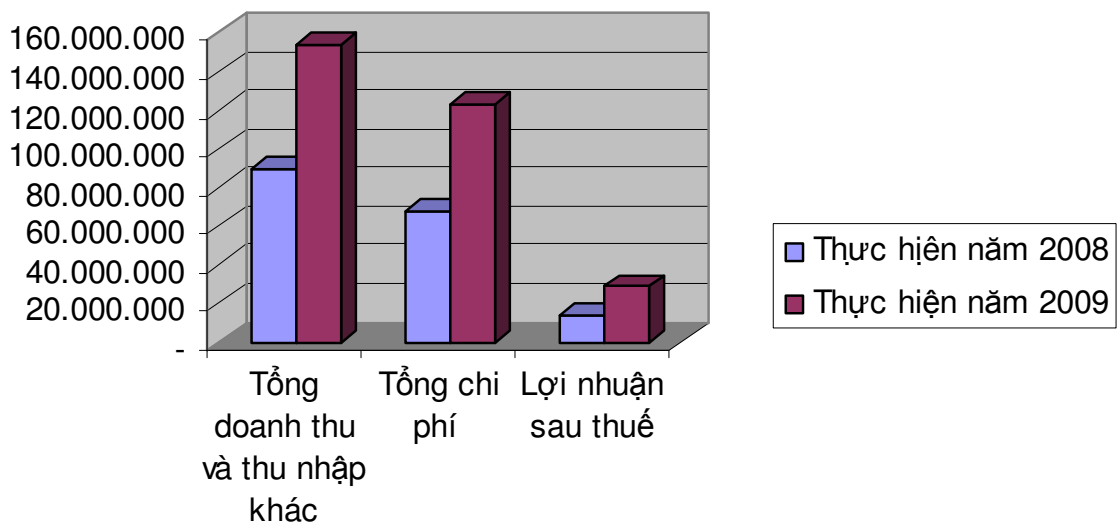
## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

- Tổng doanh thu sản xuất kinh doanh đạt 152.765.591.525 đồng, đạt 102 % so với kế hoạch năm 2009, tăng 70 % so với thực hiện năm 2008
- Lợi nhuận sau thuế đạt 28.779.237.254 đồng đạt 112% so với kế hoạch năm 2009, tăng 109 % so với thực hiện năm 2008.

### Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2009



### So sánh KQSXKD năm 2009 và năm 2008



### 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2009

#### 3.1 - Những sự kiện quan trọng

- a) Công ty hoàn tất thủ tục tăng vốn từ 75,3 tỷ lên 82,8 tỷ đồng và số lượng cổ phiếu tăng này chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM ngày 10/07/2009.
- b) Đã hoàn thành việc xây dựng Nhà máy mới tại KCN Nhơn Trạch 5 – Đồng Nai, tổng vốn đầu tư là 80 tỷ đồng.



- c) Công ty đang tiến hành giải thể Công ty con là Công Ty TNHH MTV Cơ Khí – Điện Lữ Gia do hoạt động kinh doanh không hiệu quả và sát nhập về Công Ty CP Cơ Khí – Điện Lữ Gia.

### **3.2 Quản lý kỹ thuật và các hoạt động khác đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Duy trì và cải tiến liên tục hệ thống QLCL ISO 9001: 2000, vào tháng 11 năm 2009 Công ty đã được tổ chức TUV RHEINLAND VIETNAM Co., Ltd tái đánh giá với kết quả hệ thống quản lý chất lượng của Công ty là phù hợp với Hệ thống quản lý chất lượng Quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

Hỗ trợ thường xuyên cùng phòng Kế hoạch kinh doanh tư vấn kỹ thuật cho khách hàng. Tiếp tục cập nhật hoàn chỉnh bản vẽ kỹ thuật các loại sản phẩm chính của Công ty theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000.

Rà soát và ban hành bộ định mức vật tư cho các sản phẩm của Công ty nhằm sử dụng vật tư, nguyên vật liệu một cách hợp lý và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất và kinh doanh.

Đã sản xuất, chế tạo thành công sản phẩm trụ điện lực cao 30m.

### **3.3 Về thi công các công trình chiếu sáng:**

Trong năm 2009 Công ty đã hoàn tất thi công 6 công trình xây dựng mới hệ thống chiếu sáng tại các địa phương Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. 4 công trình xây dựng hệ thống chiếu sáng Công ty đang thi công nhưng chưa hoàn thiện tiếp tục thực hiện trong năm 2010.

### **3.4 Một số công tác khác:**

#### **a) Chăm lo đời sống CBCNV:**

Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực tìm kiếm đơn hàng, các hợp đồng xây dựng, duy trì và mở rộng thị phần, do đó tình hình sản xuất của công ty được duy trì và phát triển, CB-CNV có việc làm ổn định, toàn thể CB-CNV Công ty an tâm tư tưởng đoàn kết cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị, đời sống vật chất và tinh thần từng bước được cải thiện, thu nhập ổn định tạo được sự an tâm phấn khởi tích cực sản xuất và công tác. Công ty đã tổ chức tốt Hội nghị CN lao động năm 2009, qua đó cùng nhau quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ SX-KD năm 2009, đồng thời bổ sung sửa đổi các điều khoản thoả ước LĐTT về phúc lợi tập thể: tăng phúc lợi cho người lao động và đã thực hiện ngay trong năm đã làm cho người lao động phấn khởi, an tâm trong lao động sản xuất.

+ Phụ cấp tiền ăn giữa ca cho Cb-CNV là: 15.000 đồng/ngày/người.

+ Chi tiền CB-CNV vào các dịp lễ 30/4, 02/9 và Tết Dương lịch mỗi dịp 300.000 đồng/người.

+ Năm 2009 Công ty đã tổ chức cho toàn thể CB-CNV đi tham quan nghỉ mát tại Nha Trang, thời gian là 03 ngày, chi phí do công ty đài thọ.

b) Công tác xã hội:

Công ty CP Cơ khí – Điện Lữ Gia trong năm qua đã giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, . . . theo sự vận động của Tổng Công Ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn.

c) Chấp hành chính sách, pháp luật, công tác ATLD & PCCN :

Luôn chấp hành tốt các quy định, chính sách và pháp luật của Nhà nước, trong hoạt động sản xuất kinh doanh không có xảy ra các vụ việc về tham nhũng, lãng phí, thất thoát tài sản. Thực hiện tốt Pháp lệnh PCCC trong năm qua Công ty đảm bảo tuyệt đối an toàn về PCCN. Chấp hành Luật lao động, Các chế độ BHXH, An toàn vệ sinh lao động được Công ty thực hiện đúng theo Quy định hiện hành của Nhà nước.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được Công ty quan tâm, luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để môi trường làm việc của Công nhân được thông thoáng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong lao động sản xuất. Trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động, các trang thiết bị bảo hộ lao động khác cho công nhân theo đúng qui định. Công tác phòng cháy chữa cháy bảo đảm an toàn tuyệt đối, được kiểm tra đúng theo định kỳ, đảm bảo đầy đủ phương tiện theo yêu cầu của cơ quan PCCC. Tổ chức tốt việc khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể CB-CNV; Làm tốt công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác bảo hộ lao động cho CB-CNV.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Tiếp tục phát huy tối đa năng lực hiện có, mở rộng địa bàn thi công, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng lao động.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh Miền Tây nhằm giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm của công ty. Đồng thời tiến hành công tác khảo sát, tiếp thị ra thị trường các nước trong khu vực.

Hiện nay công ty đang đầu tư đồng thời cả hai dự án:

(1) Đầu tư khai thác nhà máy sản xuất trụ, cần, đèn chiếu sáng công cộng và trụ điện lực., có thể nói sản phẩm Trụ điện lực đang trong giai đoạn đầu thử nghiệm, trong tương lai sản phẩm trụ điện lực của công ty sẽ chiếm lĩnh rất cao trên thị trường và đó cũng là tiềm năng trong tương lai..

(2) Đầu tư, khai thác dự án cao ốc 70 Lữ Gia, Quận 11, TPHCM. Dự án Cao Ốc 70 Lữ Gia theo kế hoạch sẽ hoàn thành cuối năm 2010, hiệu quả từ dự án Cao Ốc 70 Lữ Gia này theo ước tính ban đầu sẽ mang lại lợi nhuận tối thiểu 150 tỷ đồng.

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 (Đã được kiểm toán)****BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch
Ông Cao Tấn Khương	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Ông Cao Lương Ngọc	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Cao Tấn Khương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc Tài chính
Ông Cao Lương Ngọc	Giám đốc Kinh doanh

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,  
(Đã ký)

---

**Cao Tấn Khương**

**Tổng Giám đốc**

*Ngày 27 tháng 2 năm 2010*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản phải thu của khách hàng trong lĩnh vực xây dựng với số tiền là 15.266.869.003 đồng do chưa nhận được thư xác nhận.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

(Đã ký)

(Đã ký)

---

**Lê Xuân Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số

Đ.0043/KTV

*Ngày 27 tháng 2 năm 2010*

---

**Phạm Tiên Dũng**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số

0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.800.279.814</b>	<b>96.724.728.658</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.356.275.307</b>	<b>2.396.178.086</b>
1. Tiền	111		1.356.275.307	2.396.178.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.619.820.829</b>	<b>33.456.113.218</b>
1. Phải thu khách hàng	131		16.665.633.678	20.748.407.762
2. Trả trước cho người bán	132		5.534.975.624	13.027.872.201
5. Các khoản phải thu khác	135		132.347.019	286.881.917
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(713.135.492)	(607.048.662)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>35.550.741.075</b>	<b>34.944.025.914</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.645.612.842	34.944.025.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.871.767)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.273.442.603</b>	<b>5.928.411.440</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.174.608	85.018.324
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.541.087.995	2.750.020.426
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	2.690.180.000	3.093.372.690
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>344.739.227.633</b>	<b>242.833.552.038</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>270.787.077</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	270.787.077
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>332.885.427.285</b>	<b>242.505.036.709</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	70.223.611.122	2.538.870.068
- Nguyên giá	222		77.480.391.270	6.786.577.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.256.780.148)	(4.247.707.457)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	50.000.000	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	262.611.816.163	239.966.166.641
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.400.000</b>	<b>19.400.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	9.400.000	19.400.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.844.400.348</b>	<b>38.328.252</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	11.844.400.348	38.328.252
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>414.539.507.447</b>	<b>339.558.280.696</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>260.973.009.973</b>	<b>200.797.531.629</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>102.821.718.442</b>	<b>55.797.531.629</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	13.649.438.910	3.449.529.003
2. Phải trả người bán	312		9.477.250.817	6.768.777.235
3. Người mua trả tiền trước	313		8.491.905.428	22.935.321.324
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.419.105.051	8.616.200.459
5. Phải trả người lao động	315		1.045.742.000	947.999.000
6. Chi phí phải trả	316	V.12	59.295.115.093	2.952.800
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.443.161.143	13.076.751.808
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>158.151.291.531</b>	<b>145.000.000.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.13	25.000.000.000	25.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	133.084.015.008	120.000.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		67.276.523	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>153.566.497.474</b>	<b>138.760.749.067</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>151.910.666.717</b>	<b>138.189.676.924</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.835.610.000	75.305.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.407.837.000	53.392.672.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(120.600.768)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.540.005.289	4.588.515.561
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		624.928.244	624.928.244
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.622.886.952	4.278.461.119
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.655.830.757</b>	<b>571.072.143</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.655.830.757	571.072.143
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>414.539.507.447</b>	<b>339.558.280.696</b>

(Đã ký)

Cao Tấn Khương

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2010

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>1. Doanh thu gộp về bán hàng và CCDV</b>	<b>01</b>	<b>V.16</b>	<b>152.765.591.525</b>	<b>89.638.669.519</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	<b>10</b>		<b>152.765.591.525</b>	<b>89.638.669.519</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>V.17</b>	<b>110.692.288.458</b>	<b>75.612.574.180</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>42.073.303.067</b>	<b>14.026.095.339</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	355.834.604	764.672.125
7. Chi phí tài chính	22	V.19	1.519.688.489	1.037.631.317
8. Chi phí bán hàng	24		4.054.210.918	2.300.704.297
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.650.994.347	6.666.430.693
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>30.204.243.917</b>	<b>4.786.001.157</b>
11. Thu nhập khác	31	V.20	475.687.306	22.405.801.591
12. Chi phí khác	32	V.20	-	5.298.473.570
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>475.687.306</b>	<b>17.107.328.021</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>30.679.931.223</b>	<b>21.893.329.178</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	1.900.693.969	8.129.272.013
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>28.779.237.254</b>	<b>13.764.057.165</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.22</b>	<b>3.641</b>	<b>2.546</b>

(Đã ký)

**Cao Tấn Khương**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 2 năm 2010

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Thông**  
**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	160.145.059.191	107.101.756.998
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(95.722.782.822)	(109.681.198.035)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.393.973.136)	(7.572.274.856)
Tiền chi trả lãi vay	04	(1.096.195.824)	(959.482.011)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.184.509.797)	(696.084.004)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.197.358.657	88.557.796.567
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.157.635.851)	(42.410.466.754)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.787.320.418</b>	<b>34.340.047.905</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(18.362.488.876)	(26.956.988.925)
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(28.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.010.000.000	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(500.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức được chia	27	430.976.271	644.828.744
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.078.487.395</b>	<b>(49.712.160.181)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.275.000	8.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.115.276.600	52.941.089.686
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.828.566.704)	(94.466.798.294)
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.221.217.995)	(170.350.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(20.909.233.099)</b>	<b>(33.196.058.608)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>2.956.574.714</b>	<b>(48.568.170.884)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.396.178.086</b>	<b>50.962.058.453</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	3.522.507	2.290.517
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.356.275.307</b>	<b>2.396.178.086</b>

(Đã ký)

**Cao Tấn Khương**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 2 năm 2010

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Thông**

**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978, theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000, và các lần sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là : 82.835.610.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.283.561 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 11-11A, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

<u>Tên</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Điện Lữ Gia	Công ty con	11-11A, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường;
- Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại;
- Thiết kế và thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Thiết kế và thi công hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các loại thiết bị báo hiệu giao thông;
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác và các sản phẩm theo luật định;
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện, sản xuất gốm sứ - thủy tinh, chế biến gỗ tại trụ sở);
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Kinh doanh nhà ở, dịch vụ thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, đào tạo dạy nghề.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 120.600.768 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty là giống nhau.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải	10

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí môi giới và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí môi giới bao gồm các chi phí môi giới căn hộ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh căn hộ, chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu đã thực hiện trên tổng số doanh thu kế hoạch.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu căn hộ:*

Các căn hộ của Công ty được bán quyền kinh doanh căn hộ trước khi được xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích cũng như những biến động trên thị trường. Doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của căn hộ được xác định dựa trên

chi phí phát sinh thực tế cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các khoản chi phí thực tế sau khi dự án căn hộ hoàn tất sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

#### *Doanh thu xây dựng:*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác định bởi khách hàng, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### *Tiền lãi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.)

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Đối với khoản doanh thu bán căn hộ hình thành trong tương lai, Công ty áp dụng mức thuế suất tạm tính 2% trên số tiền thu được theo hướng dẫn của thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	119.577.840	146.457.939
Tiền gửi ngân hàng	1.236.697.467	2.249.720.147
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.356.275.307</b>	<b>2.396.178.086</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	-	20.000.000.000

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn các bên có liên quan khác

**3. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.951.656.948	3.913.191.615
Công cụ, dụng cụ	37.219.818	39.156.254
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.589.974.170	28.687.463.866
Thành phẩm	2.980.269.536	2.223.851.809
Hàng hoá	86.492.370	80.362.370
<b>Tổng</b>	<b><u>35.645.612.842</u></b>	<b><u>34.944.025.914</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.871.767)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>35.550.741.075</u>	<u>34.944.025.914</u>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	24.457.500
Tạm ứng cho nhân viên	2.690.180.000	3.068.915.190
<b>Tổng</b>	<b><u>2.690.180.000</u></b>	<b><u>3.093.372.690</u></b>



**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2009	193.150.600	2.116.729.608	3.831.312.287	645.385.030	6.786.577.525
Tăng trong năm	81.089.524	34.860.860.179	2.681.752.383	149.893.940	37.773.596.026
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	32.920.217.719	-	-	-	32.920.217.719
Tại ngày 31/12/2009	33.194.457.843	36.977.589.787	6.513.064.670	795.278.970	77.480.391.270
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2009	166.727.020	1.794.050.560	1.795.411.091	491.518.786	4.247.707.457
Khấu hao trong năm	425.026.010	2.133.470.027	381.362.478	69.214.176	3.009.072.691
Giảm khác					
Tại ngày 31/12/2009	591.753.030	3.927.520.587	2.176.773.569	560.732.962	7.256.780.148
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2009	<b>32.602.704.813</b>	<b>33.050.069.200</b>	<b>4.336.291.101</b>	<b>234.546.008</b>	<b>70.223.611.122</b>
Tại ngày 01/01/2009	<b>26.423.580</b>	<b>322.679.048</b>	<b>2.035.901.196</b>	<b>153.866.244</b>	<b>2.538.870.068</b>

Nguyên giá của một máy móc thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm 2009 với giá trị là 2.457.896.377 đồng (năm 2008: 2.193.577.008 đồng).

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
Tăng trong năm	50.000.000	50.000.000
Tại ngày 31/12/2009	50.000.000	50.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2009	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2009	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2009	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Tại ngày 31/12/2008	-	-

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia	262.611.816.163	172.544.028.190
Nhà Máy Nhon Trạch	-	67.422.138.451
<b>Tổng</b>	<b>262.611.816.163</b>	<b>239.966.166.641</b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư trái phiếu	9.400.000	19.400.000
<b>Tổng</b>	<b><u>9.400.000</u></b>	<b><u>19.400.000</u></b>

**9. Các khoản chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí môi giới chờ phân bổ	3.675.907.590	-
Chi phí thuê đất ở Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch	7.946.231.102	-
Chi phí khác	222.261.656	38.328.252
<b>Tổng</b>	<b><u>11.844.400.348</u></b>	<b><u>38.328.252</u></b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	2.562.106.756	-
Nợ ngắn hạn	11.087.332.154	3.449.529.003
<b>Tổng</b>	<b><u>13.649.438.910</u></b>	<b><u>3.449.529.003</u></b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bổ sung vốn lưu động từ các ngân hàng sau:

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 10.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là sáu tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp của Công ty là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng và một phần nhà xưởng.

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn dưới hình thức hợp đồng tín dụng có hạn mức 15.000.000.000 đồng. Các khoản tín dụng này có thể rút từng lần bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương tối đa 5.000.000.000 đồng trong thời hạn 8 tháng. Khoản vay được hoàn trả vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

Khoản vay dài hạn với Ngân hàng Commonwealth cho mục đích mua 1 xe ô tô phục vụ cho công tác đi lại. Khoản vay có thời hạn 48 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân, ngày 12 tháng 3 năm 2009, với lãi suất năm áp dụng khi giải ngân là 9.95%. Lãi suất có thể được điều chỉnh khi ngân hàng có thông báo điều chỉnh. Khoản vay được thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay. Trong tháng 1 năm 2010, Công ty đã thanh lý khoản vay dài hạn này sớm hơn thời hạn của hợp đồng vay.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	470.435.032	347.080.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.900.693.969	8.195.289.605
Thuế thu nhập cá nhân	47.976.050	73.830.138
<b>Tổng</b>	<b><u>2.419.105.051</u></b>	<b><u>8.616.200.459</u></b>

**12. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng căn hộ hoàn thành	59.209.444.143	-
Chi phí phải trả khác	85.670.950	2.952.800
<b>Tổng</b>	<b><u>59.295.115.093</u></b>	<b><u>2.952.800</u></b>

**13. Phải trả dài hạn khác**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Nhận vốn góp liên doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII)	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>25.000.000.000</u></b>	<b><u>25.000.000.000</u></b>

Khoản phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền Công ty Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) góp vốn hợp tác đầu tư xây dựng cao ốc phức hợp địa chỉ 70 Lữ Gia. Khoản góp vốn này sẽ được chia lãi khi dự án bắt đầu có lợi nhuận.

**14. Vay và nợ dài hạn**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn Ngân hàng</b>		
- Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long		
- Chi nhánh Chợ Lớn	18.993.645.062	20.000.000.000
- Ngân hàng Ngoại Thương - Chi Nhánh Bến Thành	107.314.191.565	100.000.000.000
- Ngân hàng Eximbank - Sở GD 1 - TPHCM	1.776.178.381	-
<b>Vay dài hạn đối tượng khác</b>		
- Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	5.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b><u>133.084.015.008</u></b>	<b><u>120.000.000.000</u></b>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng sau:

Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể chấp theo hợp đồng số D.D.0176.07/ HĐTD ngày 27/04/2007. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30 tỷ đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà máy cơ khí tại Nhơn Trạch. Lãi suất cho vay 0,95%/tháng được tính từ ngày nhận khoản nợ đầu tiên và cố định trong 12 tháng đầu tiên, tháng thứ 13 áp dụng theo hình thức thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất dự án, toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy tại khu công

nghiệp Nhon Trạch và giá trị máy móc thiết bị nhập ngoại và mua mới trong nước hình thành từ khoản vay.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo hợp đồng tín dụng có thể chấp số 0259/TĐ/08CD ngày 10 tháng 4 năm 2008. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150 tỷ đồng, thời hạn vay là bảy năm nhằm tài trợ cho việc đóng tiền sử dụng đất của dự án cao ốc phức hợp Lữ Gia 100 tỷ đồng và thanh toán cho các chi phí phát sinh của dự án 50 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo lãi suất thực tế của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh thanh toán có hạn mức bảo lãnh 100 tỷ đồng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM (CI) một cổ đông lớn của Công ty. Đồng thời, khoản vay còn được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai tại vị trí của dự án.

Ngân hàng Eximbank Sở Giao Dịch 1 - TPHCM theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200906376 ngày 24 tháng 8 năm 2009. Khoản vay nhằm mục đích mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, có thời hạn vay là ba năm với thời gian ân hạn là một năm. Lãi suất theo công bố của Ngân Hàng Eximbank tại thời điểm và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay.

Vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM thể hiện khoản vay cho mục đích xây dựng và kinh doanh dự án căn hộ số 70 Lữ Gia. Khoản vay này sẽ được hoàn trả sau 3 năm bằng tiền hoặc bằng các căn hộ có giá trị tương đương.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.562.106.756	-
Trong năm thứ hai	27.566.631.810	2.308.366.987
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	78.688.835.307	77.222.725.000
Sau năm năm	<u>26.828.547.891</u>	<u>40.468.908.013</u>
	<b>135.646.121.764</b>	<b>120.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(2.562.106.756)</u>	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>133.084.015.008</u></u>	<u><u>120.000.000.000</u></u>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	30.000.000.000	30.458.660.000	3.900.312.703	624.928.244	214.771.424	1.241.185.039	-	66.439.857.410
Tăng vốn trong năm	45.305.100.000	22.934.012.000	-	-	-	-	-	68.239.112.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	13.764.057.165	-	13.764.057.165
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	688.202.858	-	708.620.228	(1.396.823.086)	-	-
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(8.724.408.000)	-	(8.724.408.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	(352.319.509)	(605.549.999)	-	(957.869.508)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>75.305.100.000</b>	<b>53.392.672.000</b>	<b>4.588.515.561</b>	<b>624.928.244</b>	<b>571.072.143</b>	<b>4.278.461.119</b>	-	<b>138.760.749.067</b>
Tăng vốn trong năm	10.110.000	15.165.000	-	-	-	-	-	25.275.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	28.779.237.254	-	28.779.237.254
Trích lập các quỹ	-	-	1.438.961.863	-	1.438.961.863	(2.877.923.726)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	10.779.808	-	10.779.808
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	(120.600.768)	(120.600.768)
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(12.425.341.500)	-	(12.425.341.500)
Chi thưởng cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.104.000.842)	-	(1.104.000.842)
Phát hành cổ phiếu thưởng	7.520.400.000	-	(4.487.472.135)	-	-	(3.032.927.865)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(354.203.249)	(5.397.296)	-	(359.600.545)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>82.835.610.000</b>	<b>53.407.837.000</b>	<b>1.540.005.289</b>	<b>624.928.244</b>	<b>1.655.830.757</b>	<b>13.622.886.952</b>	<b>(120.600.768)</b>	<b>153.566.497.474</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>12/31/2009</b>	<b>1/1/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	16.770.000.000	16.250.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.065.610.000	59.055.100.000
<b>Tổng</b>	<b>82.835.610.000</b>	<b>75.305.100.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	753.051	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	753.051	4.530.510
+ Cổ phiếu phổ thông	753.051	4.530.510
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.283.561	7.530.510
+ Cổ phiếu phổ thông	8.283.561	7.530.510
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**16. Doanh thu**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	19.010.205.408	27.569.562.574
- Doanh thu hợp đồng xây dựng:	39.845.043.728	59.611.897.999
- Doanh thu bán quyền kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	93.512.264.695	2.168.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	398.077.694	289.208.946
<b>Tổng</b>	<b>152.765.591.525</b>	<b>89.638.669.519</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	16.634.758.603	26.462.713.496
Giá vốn của hoạt động xây dựng	35.309.156.278	48.893.218.695
Giá vốn hoạt động kinh doanh căn hộ hình thành trong tương lai	58.653.501.810	256.641.989
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	94.871.767	
<b>Tổng</b>	<b>110.692.288.458</b>	<b>75.612.574.180</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	351.584.604	13.754.232
Lãi đầu tư trái phiếu	4.250.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	32.094.296
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	718.823.597
<b>Tổng</b>	<b>355.834.604</b>	<b>764.672.125</b>

**19. Chi phí tài chính**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.233.453.333	896.236.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	267.198.910	-
Chi phí tài chính khác	19.036.246	141.395.056
<b>Tổng</b>	<b>1.519.688.489</b>	<b>1.037.631.317</b>

**20. Thu nhập khác**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất	-	22.090.909.091
Tiền thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	316.540.210	-
Thu nhập khác	159.147.096	314.892.500
<b>Tổng</b>	<b>475.687.306</b>	<b>22.405.801.591</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	5.293.086.905
Chi phí khác	-	5.386.665
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>5.298.473.570</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>475.687.306</b>	<b>17.107.328.021</b>

**21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	30.679.931.223	21.893.329.178
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>30.679.931.223</b>	<b>21.893.329.178</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.900.693.969</b>	<b>8.129.272.013</b>

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm hiện hành sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra cuối cùng của cơ quan thuế.

**22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.779.237.254	13.764.057.165
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.903.949	5.406.648
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	<b>3.641</b>	<b>2.546</b>

**23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Sài Gòn (SAMCO)	81.666.667	28.000.000

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	341.250.834	-

Số dư với các bên liên quan:

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	341.250.834	-

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Sài Gòn (SAMCO)	-	5.000.000.000

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay và các khoản phải trả dài hạn</b>		
Vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	5.000.000.000	-
Phải trả dài hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM	25.000.000.000	25.000.000.000



## 24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và khoản mục “chi phí tài chính” trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số III.

(Đã ký)

**Cao Tấn Khương**  
Tổng Giám đốc

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Thông**  
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 2 năm 2009

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính (IFC-ACAGroup)

### 2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia

Không có

### 2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.

Kể từ quý II/2006, đội Thi công Công ty được tách ra và trở thành Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia do Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia sở hữu

100% vốn. Công ty này chuyên đảm nhiệm việc thi công các công trình chiếu sáng công cộng và trạm biến áp:

- Tên công ty: Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Tên tiếng Anh: LUGIA MECHANICAL ELECTRIC COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: LUGIA CO.LTD
- Địa chỉ: 11-11A đường số 5, cư xá Bình Thới – Phường 8 – Quận 11 – TPHCM
- Điện thoại: (84-8) 9650004 Fax: (84-8) 9650004
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (*năm tỷ đồng*)
- Giấy CNĐKKD: Số 4104000155 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần 2 ngày 21/02/2008
- Ngành nghề kinh doanh:
  - ◆ Thiết kế công trình điện: đường dây dẫn và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống.
  - ◆ Thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV.
  - ◆ Môi giới thương mại.
- Tỷ lệ nắm giữ của LUGIACO: 100%.

## VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ :

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các phòng ban trong Công ty:

Các phòng ban của Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia:

- Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Marketing (KHKD & Mar);
- Phòng Tài Chính Kế toán;
- Phòng Hành Chính nhân sự;
- Phòng Kế hoạch vật tư
- Phòng Kỹ thuật thiết kế
- Phòng Quản lý Dự án – Đầu tư
- Nhà máy Cơ Khí Điện Lữ Gia, trong đó bao gồm 5 tổ sản xuất sau:
  - ◆ Tổ bảo trì;
  - ◆ Tổ sản xuất 1;
  - ◆ Tổ sản xuất 2;

- ◆ Tổ sản xuất 3;
- ◆ Tổ sản xuất 4.
- Bộ phận quản lý Chất lượng (ISO)

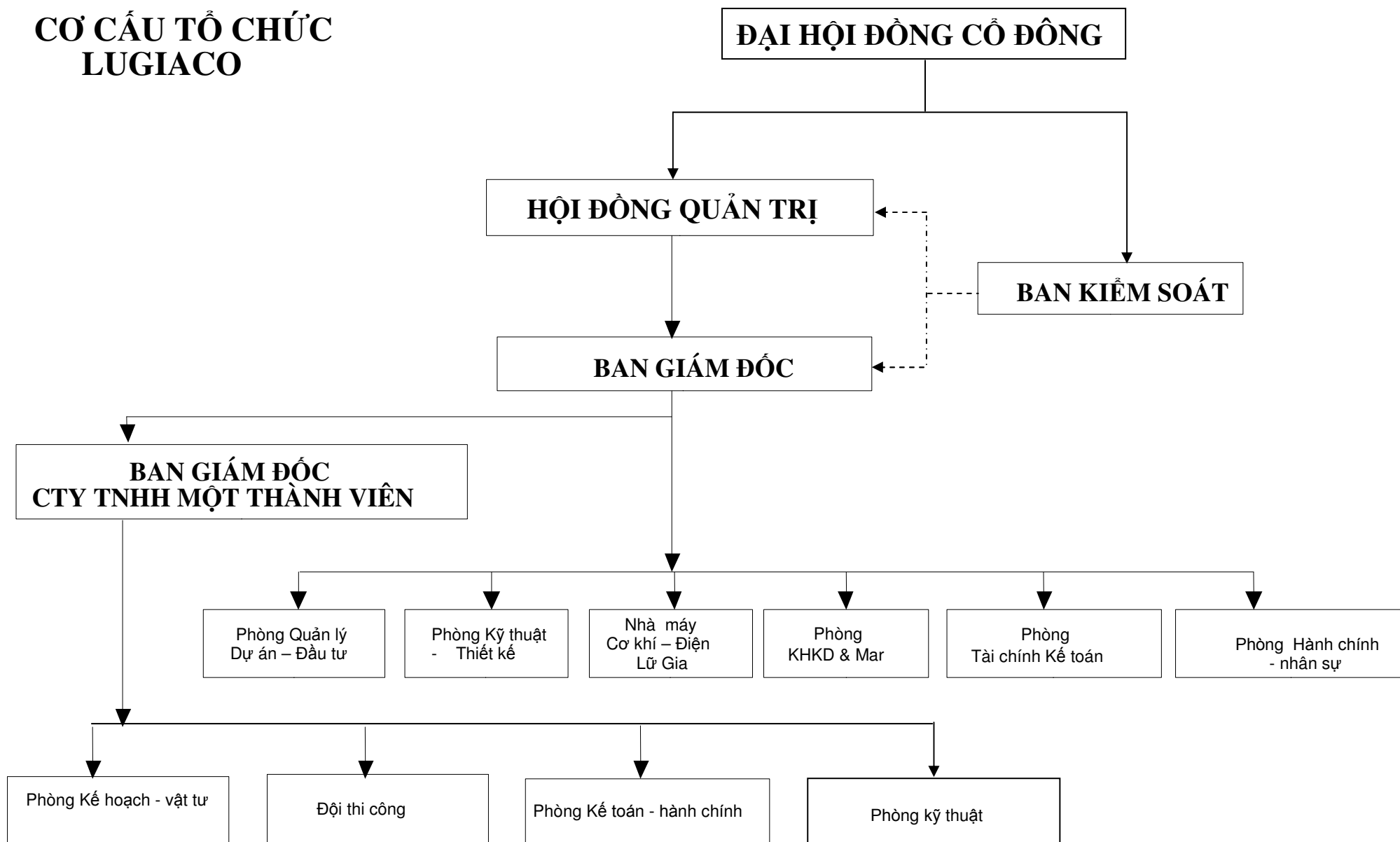
Các phòng ban của Công ty TNHH một thành viên Cơ khí – Điện Lữ Gia:

- Phòng Kế hoạch – Vật tư
- Phòng Kỹ Thuật
- Đội thi công
- Phòng Kế toán – Hành Chính

Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật.

**Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn:** các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của toàn thể các cổ đông và người lao động được thực hiện theo đúng pháp luật.

# CƠ CẤU TỔ CHỨC LUGIACO



## **2. Ban điều hành**

Ban điều hành là Ban quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chủ trương của Hội đồng quản trị và Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

### **\* Ban điều hành gồm:**

- 1- Ông Cao Tấn Khương – Tổng Giám đốc
- 2- Ông Cao Lương Ngọc – Giám đốc kinh doanh
- 3- Ông Nguyễn Văn Thông – Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng

### **\* Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành**

#### **1/ Ông Cao Tấn Khương – Tổng Giám đốc điều hành.**

- Họ và tên : Cao Tấn Khương
- Giới tính : Nam
- CMND : 020148978
- Ngày tháng năm sinh : 03/10/1941
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Kinh
- Quê quán : Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 699 Lê Hồng Phong, P.10, Q.10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.865 5918
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:
  - ◆ 07/1953 – 11/1954 : Tham gia Cách mạng – đơn vị Bộ Tư Lệnh Miền Tây Nam Bộ
  - ◆ 11/1954 – 08/1960 : Đi tập kết ở Miền Bắc – Học sinh Miền Nam
  - ◆ 08/1960 – 08/1964 : Giáo viên Trung cấp kỹ thuật Vinh – Nghệ An
  - ◆ 08/1964 – 03/1969 : Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
  - ◆ 03/1969 – 06/1972 : Tập trung tại Bắc Giang và đi thực tập tại Liên Xô – Làm trưởng đoàn – Bí Thư Chi Bộ
  - ◆ 06/1972 – 06/1974 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Gang thép Thái Nguyên
  - ◆ 06/1974 – 05/1975 : Cán bộ kỹ thuật Bộ Cơ khí luyện kim ở Hà Nội
  - ◆ 05/1975 – 06/1977 : Vào tiếp quản – Cán bộ Trung tâm Tiêu chuẩn Đo Lường chất lượng Khu vực III
  - ◆ 06/1977 – 03/1983 : Phó Xưởng Cơ khí Lữ Gia

## **Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Lữ Gia**

---

- ◆ 04/1983 – 02/2000 : Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Lữ Gia và Công ty Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 03/2000 – 03/2004 : Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 04/2004 – 07/2007 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 07/2007 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Số cổ phần nắm giữ & được uỷ quyền: 137.190 cổ phần, trong đó:
  - ◆ Cá nhân : 137.190 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - ◆ Vợ Đỗ Cẩm Hồng nắm giữ 2.525 cổ phần
  - ◆ Con Cao Lương Ngọc nắm giữ 88.200 cổ phần
  - ◆ Con Cao Tấn Kha nắm giữ 0 cổ phần.
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

### **2/ Ông Cao Lương Ngọc – Giám đốc kinh doanh**

- Họ và tên : Cao Lương Ngọc
- Giới tính : Nam
- CMND : 022645386
- Ngày tháng năm sinh : 13/10/1963
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển, Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú : 56B/66 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08. 865 0167
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế – Ngành Quản trị kinh doanh  
Chứng chỉ Giám đốc điều hành do Viện NC – KT – PT (ĐHKT TP. HCM) cấp
- Quá trình công tác:
  - ◆ 1980 – 1981 : Công nhân Xí nghiệp Cơ khí Lữ Gia
  - ◆ 1981 – 1987 : Đi hợp tác lao động tại Cộng Hòa nhân dân Bungari

- ◆ 1987 – 1997 : Công nhân Công ty Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 1997 – 3/2000 : Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 4/2000 – 3/2002 : Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ khí Lữ Gia
- ◆ 4/2002 – 3/2004 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 4/2004 – 07/2007 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 07/2007 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kinh doanh Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 88.200 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 88.200 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan:
  - ◆ Cha Cao Tấn Khương nắm giữ 137.190 cổ phần
  - ◆ Vợ Lê Thị Bích Khuê nắm giữ 2.880 cổ phần
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**3/ Ông Nguyễn Văn Thông – Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Thông
- Giới tính : Nam
- CMND : 311374808
- Ngày tháng năm sinh : 24/05/1974
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 769/192 Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.9626956
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán  
Bằng Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp  
Bằng Giám đốc Tài chính do Trường ĐH Kinh tế

.TP.HCM cấp

- Quá trình công tác:
  - ◆ 1995 – 2000 : Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Vật Tư Seaprodex (Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam)
  - ◆ 2000 – 2005 : Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty xe đạp xe máy Sài Gòn (Sở Công nghiệp)
  - ◆ 2005 –2008 :Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
  - ◆ 2009- nay :Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia : Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

### **3. Tiền lương, thưởng Ban điều hành năm 2009**

- Lương: 502.469.000 đ
- Thưởng: 700.030.495 đ

### **4.Số lượng cán bộ, nhân viên và Chế độ làm việc, chính sách đối với người lao động**

#### **4.1 –Số lượng cán bộ nhân viên**

Tổng số lao động trong công ty tính đến 31/12/2009 là 149 người (bao gồm cả lao động của công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Điện Lữ Gia ) với cơ cấu như sau:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b>Phân theo đối tượng lao động</b>	<b>149</b>	<b>100%</b>
Lao động trực tiếp	75	50.3%
Lao động gián tiếp	74	49.7%
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>149</b>	<b>100%</b>
Trình độ đại học và trên đại học	31	20.8%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	21	14.1%
Lao động phổ thông	97	65.1%

#### **4.2 –Chế độ làm việc, chính sách đối với người lao động**

##### **a) Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44giờ/tuần; khối gián tiếp làm



việc theo giờ hành chính, khối trực tiếp sản xuất làm việc theo ca.

**b) Chính sách lương**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức :Lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc, Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: Người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

**c) Chính sách khen thưởng**

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét phân loại A, B,C để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp tết nguyên đán, bình quân mỗi người 01 tháng lương. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động nhân dịp lễ lớn như 30/4, Quốc Khánh 2/9, Tết dương lịch 1/1; khen thưởng lao động tiên tiến, các cá nhân tập thể có sáng kiến làm lợi cho Công ty,.....

**d) Chế độ phúc lợi**

Bên cạnh các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi nghỉ mát hàng năm. Năm 2009, Công ty đã tổ chức cho toàn thể cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát tại Nha Trang. Thảo ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh

**e) Chính sách đào tạo**

Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) được công ty quan tâm đúng mức. Các cán bộ, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ được cử đi học các khóa huấn luyện ngắn hạn, dài hạn (học đại học) với kinh phí do Công ty đài thọ; tổ chức học và thi nâng bậc cho công nhân hàn tại đơn vị. Ngoài ra, các CBCNV có nhu cầu tự học tập sẽ được công ty hỗ trợ 50% kinh phí.

**5. Những thay đổi trong bộ máy lãnh đạo Công ty năm 2009**

Hội đồng quản trị : Trong năm 2009 Ông Lâm Văn Tảng có đơn xin từ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Bà Nguyễn Thị Lan Hương được bầu bổ sung vào thành viên hội đồng quản trị thay Ông Lâm Văn Tảng.

Ban giám đốc : Không thay đổi

Kế toán trưởng : Không thay đổi

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

#### 1.1 - Hội đồng quản trị :

- |    |                         |  |
|----|-------------------------|--|
| 1- | Ông Nguyễn Hồng Anh     | – Chủ tịch Hội đồng quản trị                 |
| 2- | Ông Cao Tấn Khương      | – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị |
| 3- | Bà Nguyễn Thị Lan Hương | – Thành viên Hội đồng quản trị               |
| 4- | Ông Lê Quốc Bình        | – Thành viên Hội đồng quản trị.              |
| 5- | Ông Cao Lương Ngọc      | – Thành viên Hội đồng quản trị               |

#### 1.2 - Ban Kiểm Soát :

- |    |                     |                            |
|----|---------------------|----------------------------|
| 1- | Trần Ngọc Tiên      | – Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2- | Lê Thị Vân          | – Thành viên ban kiểm soát |
| 3- | Dương Thị Long Nghi | – Thành viên ban kiểm soát |

#### \* Lý lịch tóm tắt của HĐQT, BKS

##### 1.1 - Hội đồng quản trị

##### *1/ Ông Nguyễn Hồng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị*

- Họ và tên : Nguyễn Hồng Anh
- Giới tính : Nam
- CMND : 020597824
- Ngày tháng năm sinh : 28/03/1961
- Nơi sinh : Xã Vũ Lăng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú : 129 Đinh Bộ Lĩnh, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08. 920 0408
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí Nông nghiệp  
Cử nhân Chính trị
- Quá trình công tác :
  - ◆ 04/1984 – 07/1985 : Công tác tại Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
  - ◆ 08/1985 – 02/1988 : Đi nghĩa vụ quân sự
  - ◆ 03/1988 – 11/1993 : Công tác tại Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
  - ◆ 12/1993 – 08/1996 : Phó quản đốc Phân xưởng sửa chữa Công ty Cơ khí

**Ô tô Sài Gòn**

- ◆ 09/1996 – 06/1999 : Quản đốc Phân xưởng Samco 3 Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- ◆ 07/1999 – 07/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- ◆ 08/2004 – nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn
- ◆ 2005 – 07/2007 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia
- ◆ 07/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia

○ Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

○ Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 1.677.000 cổ phần, trong đó :

- ◆ Cá nhân : không
- ◆ Ủy quyền : 1.677.000 cổ phần

(do Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn cử làm đại diện vốn Nhà Nước)

- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**2/ Ông Cao Tấn Khương – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (Sơ yếu lý lịch được trình bày ở phần VII.2)**

**3/ Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên : Nguyễn Thị Lan Hương
- Giới tính : Nữ
- CMND : 022384311
- Ngày tháng năm sinh : 11/08/1969
- Nơi sinh : Thị Xã Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị Xã Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
- Địa chỉ thường trú : 705 Lô G3 Chung Cư Hùng Vương, P11, Q5, TPHCM
- Số điện thoại liên lạc : 3.9141904
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - ◆ 1987 – 1992 : Sinh viên Trường Đại học Bách Khoa Thành Phố Hồ Chí Minh

- ◆ 1992– 1997 : Sinh Viên Tại Chức Trường Đại Học Thương Mại.
- ◆ 1993 – 2006 : Chuyên viên Ban Quản lý Dự án Đầu Tư xây Dựng Công Trình Quận 5.
- ◆ 2006 – nay : Phó Giám đốc đầu tư – Kinh doanh công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :
- ◆ Cá nhân : không
- ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

***4/ Ông Lê Quốc Bình – Thành viên Hội đồng quản trị***

- Họ và tên : Lê Quốc Bình
- Giới tính : Nam
- CMND : 023833426
- Ngày tháng năm sinh : 25/02/1972
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú : 45 Trần Phú, Q.5, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08. 914 1904
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán  
Bằng Kế toán trưởng do Bộ Tài chính cấp
- Quá trình công tác:
  - ◆ 1993 – 1997 : Cán bộ Phòng Kế toán Tổng Công ty Du lịch Thành Phố
  - ◆ 1997 – 2001 : Chuyên viên Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. HCM
  - ◆ 2001 - nay : Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM
  - ◆ 2000 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Hội Đồng Quản Trị

○ Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: .1.869.403 cổ phần, trong đó :

◆ Cá nhân : 0 cổ phần

◆ Ủy quyền : 1.869.403 cổ phần

(do Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền)

○ Số cổ phần của những người có liên quan: không

○ Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**5/ Ông Cao Lương Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị (Sơ yếu lý lịch được trình bày ở phần VII.2)**

### **1.2-Ban kiểm soát**

**1/ Ông Trần Ngọc Tiến – Trưởng ban kiểm soát**

○ Họ và tên : Trần Ngọc Tiến

○ Giới tính : Nam

○ CMND : 022317578

○ Ngày tháng năm sinh : 03/06/1971

○ Nơi sinh : Hà Nội

○ Quốc tịch : Việt Nam

○ Dân tộc : Kinh

○ Quê quán : Tiền Giang

○ Địa chỉ thường trú : 95/32 Bắc Hải, P.15, Q.10, TP. HCM

○ Số điện thoại liên lạc : 08.864 1790

○ Trình độ văn hoá : 12/12

○ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh  
Cử nhân ngoại ngữ (Ngữ văn Anh)

○ Quá trình công tác:

◆ 1995 – 2000 : Chuyên viên Cục Quản lý vốn và TSNN tại DN

◆ 2000 – 2004 : Chuyên viên - Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp.

◆ 2004 – 4/2008 : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia.

○ Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Trưởng ban Kiểm soát.

○ Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 30.930 cổ phần, trong đó :

◆ Cá nhân : 30.930 cổ phần

◆ Ủy quyền : không

○ Số cổ phần của những người có liên quan: không

○ Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**2/ Bà Lê Thị Vân – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : Lê Thị Vân
- Giới tính : Nữ
- CMND : 020745226
- Ngày tháng năm sinh : 07/04/1957
- Nơi sinh : Đà Lạt
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 41B Khu biệt thự Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.821 2786
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
  - ◆ 1980 – 1990 : Nhân viên Kế toán Công ty Thủy sản Xuất khẩu TP
  - ◆ 1991 – 2000 : Kế toán trưởng Khách sạn Bông Hồng thuộc LLTNXP
  - ◆ 2001 – nay : Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Ban kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 40.007 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 40.007 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

**3/ Bà Dương Thị Long Nghi – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : Dương Thị Long Nghi
- Giới tính : Nữ
- CMND : 022772262
- Ngày tháng năm sinh : 26/08/1975
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Gò Công, Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 231 Võ Văn Tần, P5, Q3, TP. HCM

- Số điện thoại liên lạc : 08.39141904
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng kế toán (Cao đẳng Kinh tế đối ngoại)
- Quá trình công tác:
  - ◆ 1997 – 2002 : Nhân viên Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đô Thị TP.HCM
  - ◆ 2002 – nay : Nhân viên công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cơ khí – Điện Lữ Gia: Thành viên Ban kiểm soát.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần, trong đó :
  - ◆ Cá nhân : 0 cổ phần
  - ◆ Ủy quyền : 0 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

### **1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, bao gồm 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

### **1.4 Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

### **1.5 Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Tổng mức thù lao cho HĐQT và BKS sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho HĐQT và BKS theo thỏa thuận trong hội đồng quản trị

**Bảng kê chi tiết thù lao của HĐQT và BKS**

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>405.850.022</b>
1	Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch HĐQT	86.098.048
2	Cao Tấn Khương	Phó Chủ tịch HĐQT	78.678.439
3	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT	66.138.569
4	Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	66.138.569
5	Cao Lương Ngọc	Thành viên HĐQT	66.138.569
6	Nguyễn Văn Thông	Thư ký HĐQT	42.657.828
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm Soát :</b>		<b>193.736.967</b>
1	Trần Ngọc Tiên	Trưởng BKS	70.938.569
2	Lê Thị Vân	Thành viên BKS	61.399.199
3	Dương Thị Long Nghi	Thành viên BKS	61.399.199

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn**

**2.1 - Cổ đông trong nước**

**a. Cơ cấu cổ đông của công ty ( tính đến tại thời điểm 24/03/2010)**

STT	Nội dung	SL cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu trong Công ty
<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>2.023.883</b>	<b>24.43%</b>
1	Đã lưu ký	2.022.403	24.41%
2	Chưa lưu ký	1.480	0.02%
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>5.925.163</b>	<b>71.53%</b>
1	Đã lưu ký	5.925.163	71.53%
2	Chưa lưu ký	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.949.046</b>	<b>95.96%</b>

**b. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn :**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm 24/03/2010)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (Samco)	262-264 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM	1.677.000	16.770.000.000	20.24%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	50 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	1.869.403	18.694.030.000	22.57%



Minh (CII)				
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cầu Đường Bình Triệu	50 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	1.813.650	18.136.500.000	21.89%
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.360.053</b>	<b>53.600.530.000</b>	<b>64.70%</b>

**2.2 - Cổ đông nước ngoài :**

- Cơ cấu cổ đông :

STT	Nội dung	SL cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trong Công ty
<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>50.110</b>	<b>0.60%</b>
1	Đã lưu ký	50.110	0.60%
2	Chưa lưu ký	0	0%
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>284.405</b>	<b>3.44%</b>
1	Đã lưu ký	284.405	3.44%
2	Chưa lưu ký	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>334.515</b>	<b>4.04%</b>

Dữ liệu thống kê về các cổ đông trên đây được cập nhật theo danh sách người sở hữu chứng khoán đến ngày 24/03/2010 do trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

**CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐIỆN LỮ GIA**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**CAO TẤN KHƯƠNG**